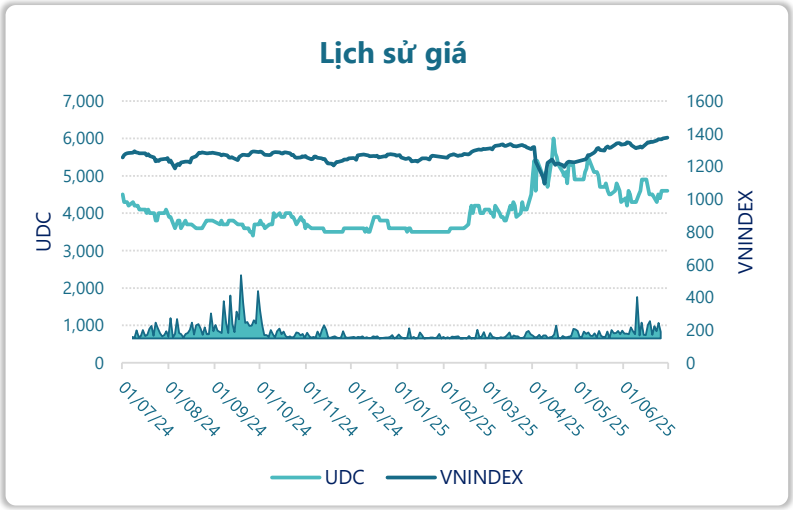
FireAnt

CTCP Đầu tư xây dựng UDCONS (UPCOM: UDC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,400
SL cổ phiếu LH	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,185
% sở hữu nước ngoài	11.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
P/E	-4.0
EPS	-1,138

DT thuần

Q2/25

75.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.6| 235%

YoY: ▲ 9.40| 14.3%

LN sau thuế

Q2/25

-15.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.10| -51.5%

YoY: ▼0.50| -3.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-10.0%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

6T 2025

97.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00| 7.8%

LN sau thuế

6T 2025

-24.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.50| 15.3%

ROE

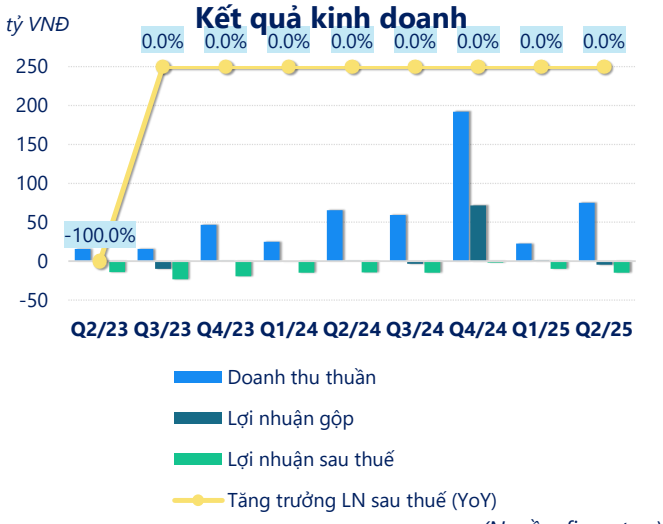
Q2/25

-20.0%

+/- YoY: ▲ 4.3%

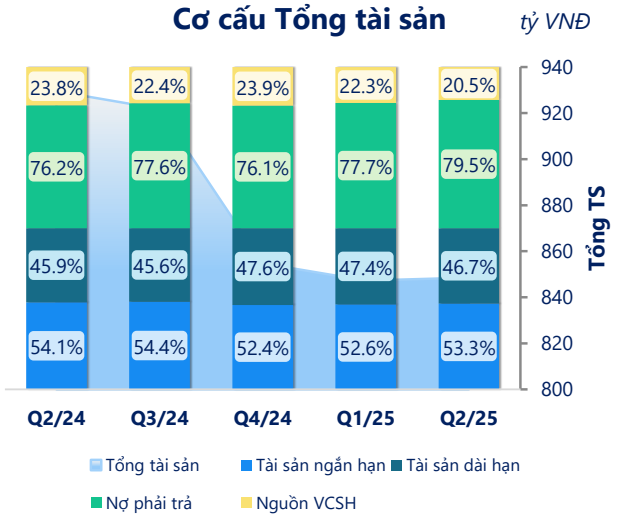
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



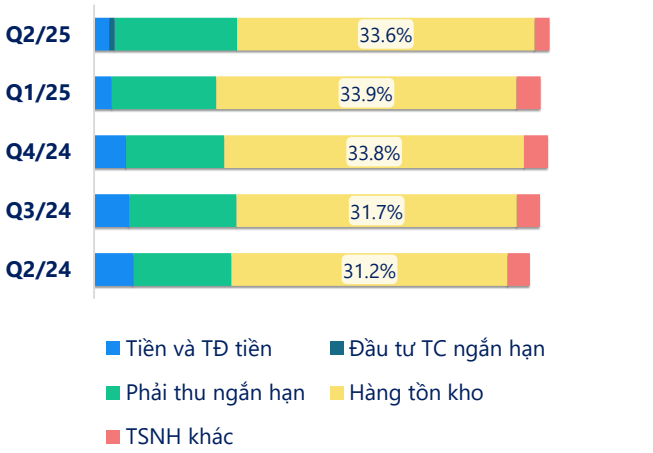
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



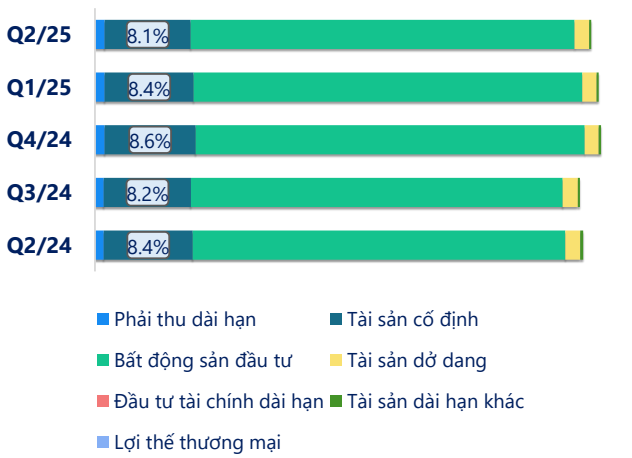
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



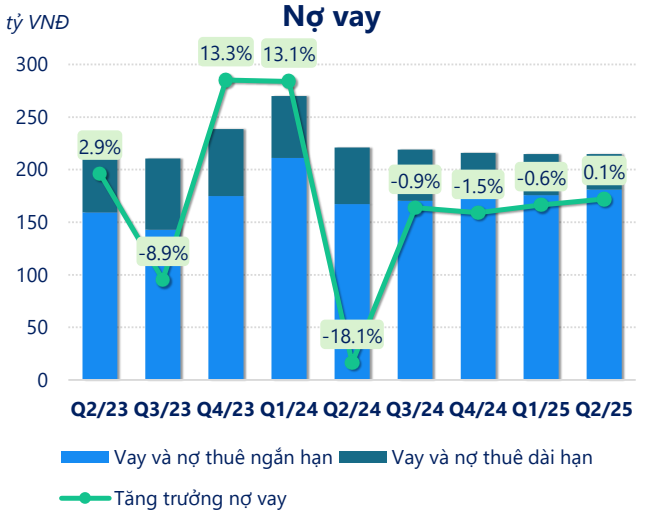
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



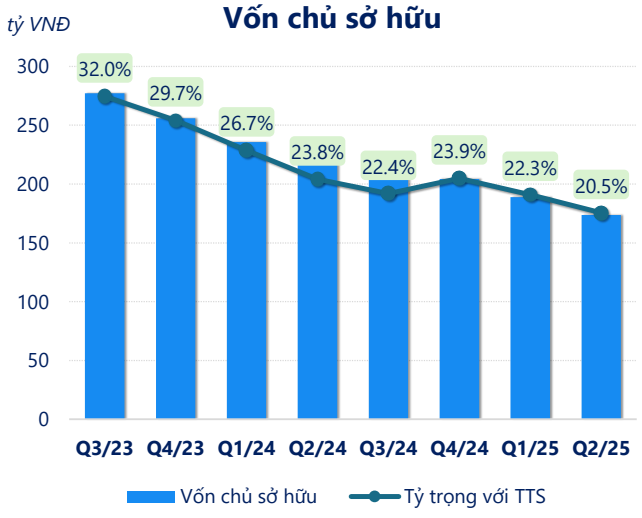
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



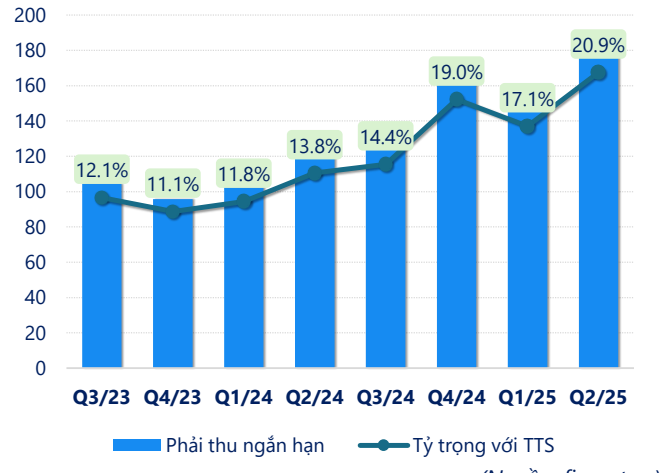
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



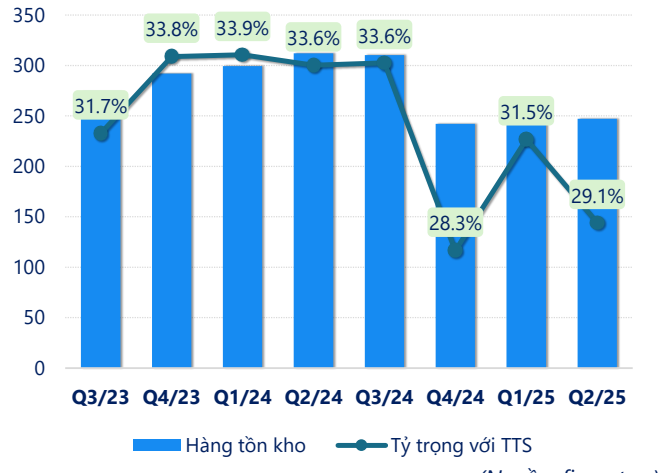
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



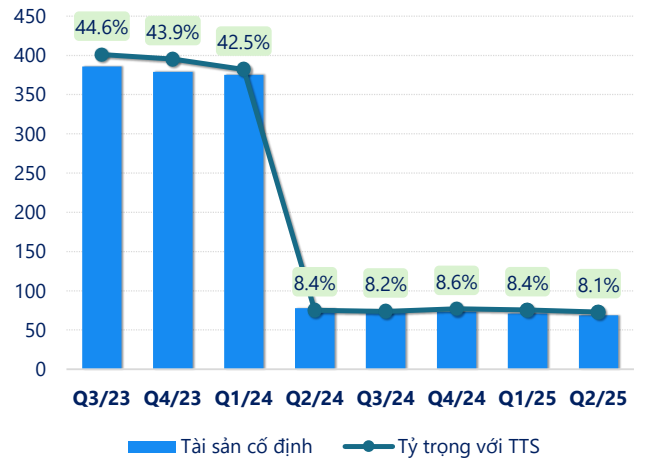
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



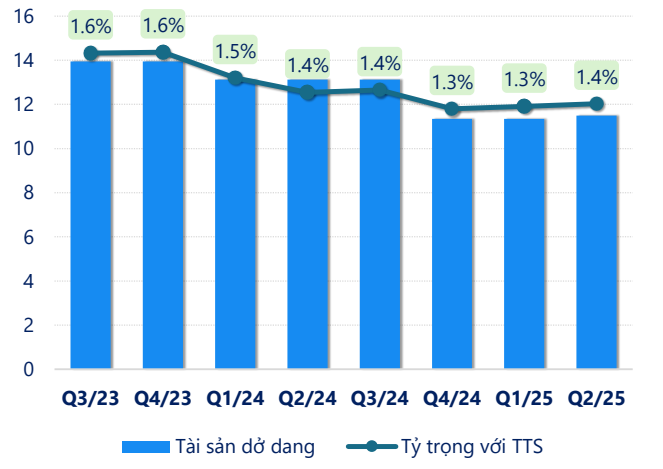
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



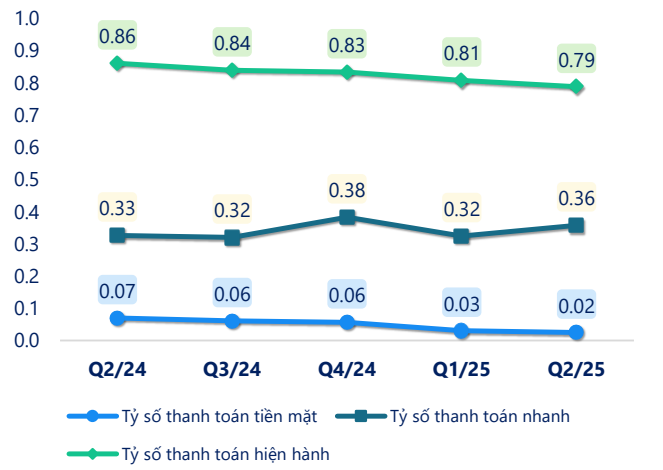
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



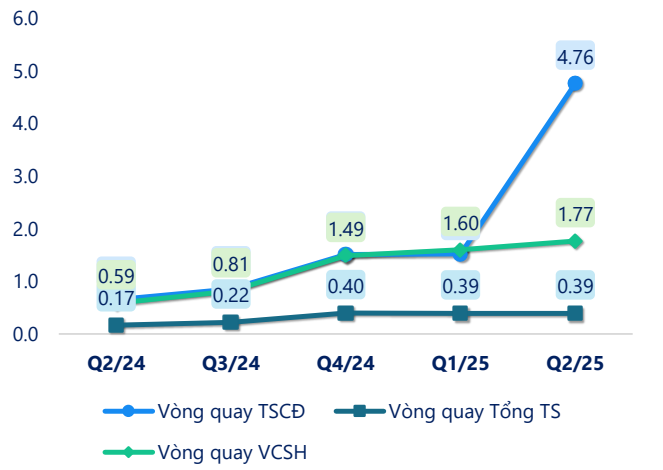
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**929**	**922**	**855**	**847**	**849**
Tài sản ngắn hạn	**503**	**502**	**448**	**446**	**453**
Tiền và tương đương tiền	40.8	36.3	30.5	17.0	14.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.96	5.96	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	128	133	163	145	178
Hàng tồn kho	312	310	242	267	247
Tài sản ngắn hạn khác	15.6	16.0	12.7	17.1	13.7
Tài sản dài hạn	**427**	**420**	**407**	**401**	**396**
Phải thu dài hạn	7.72	7.72	7.74	7.74	7.74
Tài sản cố định	77.8	75.6	73.2	71.0	68.7
Bất động sản đầu tư	326	322	313	309	306
Tài sản dở dang	13.1	13.1	11.3	11.3	11.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tài sản dài hạn khác	2.45	1.74	1.85	1.73	1.64
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**708**	**716**	**650**	**658**	**675**
Nợ ngắn hạn	**584**	**598**	**538**	**552**	**574**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	167	170	172	176	181
Phải trả người bán ngắn hạn	79.1	85.2	89.8	100	98.9
Nợ dài hạn	124	118	113	106	100
Vay và nợ thuê dài hạn	53.8	48.8	43.8	38.8	33.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**221**	**206**	**204**	**189**	**174**
Vốn chủ sở hữu	**221**	**206**	**204**	**189**	**174**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)